

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh về kết quả giám sát chuyên đề của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh

(Nghị quyết 73/NQ-HĐND ngày 10/12/2022, Nghị quyết 74/NQ-HĐND ngày 10/12/2022, Nghị quyết 75/NQ-HĐND ngày 10/12/2022, Nghị quyết 76/NQ-HĐND ngày 10/12/2022)

Thực hiện Thông báo số 16/TB-TTHĐND ngày 17/10/2023 của TTHĐND tỉnh về việc dự kiến nội dung, thời gian kỳ họp thứ 14 HĐND tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026; trên cơ sở báo cáo của các sở, ban ngành, UBND tỉnh báo cáo Kết quả thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh về kết quả giám sát chuyên đề của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, gồm có:

1. Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh về tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đất đai, bồi thường giải phóng mặt bằng;

2. Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh về kết quả giám sát tình hình thực hiện chính sách phát triển giáo dục đối với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh bình định, giai đoạn 2019 – 2021;

3. Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh về kết quả giám sát việc thực hiện công tác quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh từ năm 2019-2021;

4. Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh về giám sát chuyên đề công tác quản lý, cấp phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2017-2021.

(Chi tiết ở Phụ lục đính kèm)

UBND tỉnh kính báo cáo HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở TN&MT, Sở GD&ĐT, Ban Dân tộc tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, BTCD, K3, K4, K5, K9.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC

Kết quả thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh về kết quả giám sát chuyên đề của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

A. NGHỊ QUYẾT SỐ 73/NQ-HĐND NGÀY 10 THÁNG 12 NĂM 2022 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VỀ TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT ĐƠN THƯ KHIẾU NẠI, TỔ CÁO LIÊN QUAN ĐẤT ĐAI, BỒI THƯỜNG GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Về kết quả rà soát để bổ sung quy định của tỉnh về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, bảo đảm đúng quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013, các Nghị định và Thông tư hướng dẫn quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh và 03 lần sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019, Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019, Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 bảo đảm tuân thủ theo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế địa phương. Trong đó có quy định một số nội dung hỗ trợ nhằm bảo đảm quyền lợi của người sử dụng đất khi bị thu hồi đất như: hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm; hỗ trợ cho các hộ gia đình không phải là hộ sản xuất nông nghiệp phải dịch chuyển chỗ ở; hỗ trợ cho các hộ có người đang hưởng chế độ thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công cách mạng,...

Về chính sách tái định cư: UBND tỉnh quy định người sử dụng đất ở khi bị thu hồi đất được xem xét giao đất ở tái định cư. Hầu hết các khu tái định cư được xây dựng kỹ thuật hạ tầng, phần lớn người dân sau khi tái định cư đời sống ổn định, có việc làm và điều kiện sinh hoạt bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ. Đối với hộ gia đình có đất ở bị thu hồi tự lo chỗ ở mới (không vào khu tái định cư) thì ngoài bồi thường bằng tiền, còn được hỗ trợ thêm theo giá trị đất ở. Do đó, hầu hết người sử dụng đất bị thu hồi đồng thuận với chính sách bồi thường của tỉnh đã tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện dự án. Tuy nhiên, vẫn còn một số trường hợp khiếu nại, khiếu kiện không nhận tiền bồi thường và giao trả giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án do chưa được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp có nguồn gốc tự khai hoang.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh quy định hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân như sau:

“1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các Điểm a, b, c Khoản 1 Điều 34 của Quy định này khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các Điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 34 của Quy định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm bằng 03 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp.”

Tại điểm c, khoản 1 Điều 34 Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh có quy định:

“Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản này đang sử dụng đất nông nghiệp do nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, được tặng cho, khai hoang theo quy định của pháp luật, được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi xác nhận là đang trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp đó”

Theo quy định nêu trên không có trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp do “tự khai hoang”.

Ngày 30/6/2021, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai. Theo đó, tại điểm c khoản 3 Điều 4 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 5 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014) quy định đất nông nghiệp được hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất:

“Đất nông nghiệp do hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai đang sử dụng không có giấy tờ về quyền sử dụng đất, không vi phạm pháp luật về đất đai, đủ điều kiện được bồi thường về đất, được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi xác nhận là đang trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp đó;”

Qua rà soát quy định của pháp luật về đất đai thì hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do “tự khai hoang” không được hỗ trợ ổn định đời sống và hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm theo quy định nêu trên.

Hiện nay, khi thực hiện thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh, nhiều hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp được UBND xã, phường, thị trấn xác nhận đất có nguồn gốc khai hoang. Trong quá trình lập phương án bồi thường, hỗ trợ và công bố, công khai phương án, các tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, GPMB gặp khó khăn trong việc vận động, thuyết phục người dân vì người dân đề nghị được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm đối với diện tích đất khai hoang.

Ngày 16/01/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 111/STNMT-CCQLĐĐ gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị hướng dẫn việc thực hiện hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đang sử dụng đất nông nghiệp “do tự khai hoang”, sử dụng ổn định từ trước ngày 01/7/2004.

Ngày 29/3/2023, Cục quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 507/QHPTTND-PPTTND hướng dẫn. Trên cơ sở nội dung hướng dẫn của Cục quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất, để kịp thời tháo gỡ khó khăn khi thực hiện công tác bồi thường, GPMB các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh, nhất là các công trình, dự án trọng điểm đang được Thủ tướng Chính phủ và Lãnh đạo tỉnh tập trung chỉ đạo quyết liệt để đảm bảo tiến độ thực hiện theo kế hoạch đề ra (*như dự án đường cao tốc Bắc- Nam đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Định, dự án các tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 1 đến đường ven biển ĐT 639; ...*), UBND tỉnh có Công văn số 2314/UBND-KT ngày 17/4/2023 giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan nghiên cứu, đề xuất khoản hỗ trợ khác theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang trước ngày 01/7/2004, ổn định, không tranh chấp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu, đề xuất UBND tỉnh ban hành Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 bổ sung bổ sung khoản 10 Điều 40 của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

“10. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang trước ngày 01/7/2004, sử dụng ổn định, không tranh chấp, được UBND

cấp xã xác nhận là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất mà được bồi thường về đất bằng tiền thì được hỗ trợ bằng 03 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định đối với diện tích đất thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp (kể cả phần diện tích đất nông nghiệp được hỗ trợ tại khoản 1 Điều 36 Quy định này) ”.

Đồng thời, UBND tỉnh ban hành Quyết định 2172/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 về việc ủy quyền cho UBND cấp huyện quyết định giá đất cụ thể để phục vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh (theo Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 06/5/2023 của Chính phủ).

2. Về tình hình nghiên cứu bổ sung quy định về thời gian xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng nhà, đất của chính quyền địa phương trong các bước triển khai thực hiện dự án nhằm đảm bảo tính kịp thời và tiến độ thực hiện dự án

Thời gian qua, yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng có nhiều dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, nhất là các dự án đường giao thông, phát triển đô thị, du lịch,...được sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, sự giám sát chặt chẽ của HĐND tỉnh; sự nỗ lực, quyết tâm của các cấp, các ngành, sự đồng thuận, ủng hộ của nhân dân trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất mà các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh được thực hiện thuận lợi.

Bên cạnh những mặt đạt được, công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư còn gặp không ít khó khăn, vướng mắc, làm chậm tiến độ thực hiện dự án. Theo đó, một trong những bước quan trọng có ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện bồi thường GPMB đó là thời gian xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm tạo lập nhà kéo dài của UBND cấp xã nơi có nhiều dự án triển khai cùng thời gian nhưng công chức địa chính xã có 1 biên chế, mặt khác còn đảm đương nhiều công việc khác.

Để khắc phục vấn đề này, UBND tỉnh đã ban hành quy trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh (Tại khoản 2.5 Điều 7 Quy định kèm theo Quyết định số 4147 /QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và phòng cháy chữa cháy trên địa bàn tỉnh Bình Định); theo đó, Phụ lục số 4 tại Bước 7 có quy định trách nhiệm UBND cấp xã xác nhận nguồn gốc đất đai, tài sản có trên đất:

Sau khi nhận được hồ sơ kê khai, kiểm đếm của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, UBND cấp xã có trách nhiệm xác nhận (nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất, thời gian xây dựng nhà, xây dựng công trình... trong phạm vi thu hồi đất của người sử dụng đất; các giấy tờ về đất đai, tài sản có

liên quan; xác nhận đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp, diện tích sử dụng đất nông nghiệp, ...).

Thời hạn UBND cấp xã thực hiện xác nhận nguồn gốc đất và có kết quả gửi Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng”

3. Tổ chức đánh giá thực trạng tình hình công tác quy hoạch, quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh để có giải pháp đồng bộ về công tác quản lý, sử dụng đất nhằm thống nhất trong quản lý và tính pháp lý khi lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất. Xử lý nghiêm việc lấn chiếm đất đai, xây dựng nhà, công trình, chuyển nhượng nhà, đất trái phép để bảo đảm sự công bằng và thực hiện đúng quy định pháp luật trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất.

3.1. Tổ chức đánh giá thực trạng tình hình công tác quy hoạch, quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh để có giải pháp đồng bộ về công tác quản lý, sử dụng đất nhằm thống nhất trong quản lý và tính pháp lý khi lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất.

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013, trong kỳ 2011 - 2020, tỉnh Bình Định đã hoàn thành lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

Trong kỳ 2021- 2030, thực hiện Luật Quy hoạch năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy hoạch năm 2018, theo đó, không lập riêng quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh mà lập Quy hoạch tỉnh, trong đó có Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai đến cấp huyện. Việc lập Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (giai đoạn 2021- 2025) của tỉnh phải căn cứ Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 được duyệt để thực hiện Phương án phân bổ và khoanh vùng khu chức năng trong Quy hoạch tỉnh.

Hiện nay, Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 đang trình các Bộ, ngành Trung ương thẩm định để trình Chính phủ phê duyệt, theo đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đã dự thảo Kế hoạch sử dụng đất 05 năm của tỉnh (giai đoạn 2021 - 2025), sau khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt, sẽ báo cáo UBND tỉnh trình Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định trình Chính phủ phê duyệt.

Đối với cấp huyện, hiện nay đã hoàn thành lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cho tất cả 11 huyện, thị xã, thành phố và đã được UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở để triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật, trong đó có yêu cầu phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đáp ứng kịp thời nhu cầu đầu tư xây dựng hạ tầng và phát triển kinh tế- xã hội. Các dự án có nhu cầu sử dụng đất

lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đều được trình HĐND tỉnh thông qua hoặc Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích trước khi thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất theo quy định.

3.2. Về xử lý việc lấn chiếm đất đai, xây dựng nhà, công trình, chuyển nhượng nhà, đất trái phép để bảo đảm sự công bằng và thực hiện đúng quy định pháp luật trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất.

Trong thời gian qua, UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 27/4/2023 về tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh; trong đó; UBND tỉnh đã chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện công tác chống lấn chiếm đất đai. Tuy nhiên, hiện nay trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố vẫn còn tình trạng việc lấn chiếm đất đai trái phép gây khó khăn trong xác nhận nguồn gốc đất làm ảnh hưởng đến tiến độ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện dự án.

Để xử lý tình trạng lấn chiếm đất đai, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 về Kế hoạch thực hiện xử lý lấn, chiếm đất đai trên địa bàn tỉnh; trong đó, có quy định nội dung xử lý như sau:

“Đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm trước ngày 1/7/2014: Trường hợp nào đủ điều kiện cho phép tiếp tục sử dụng đất (đủ điều kiện tồn tại) thực hiện theo quy định tại Điều 22 của Nghị định số 43, ngày 15/5/2014 của Chính phủ; trường hợp nào không đủ điều kiện cho phép tồn tại (kể cả không phù hợp quy hoạch, hoặc phát sinh từ ngày 1/7/2014 trở về sau) thì phải có thông báo rõ nội dung gửi UBND xã, phường, thị trấn và nhân dân biết để thực hiện.

Đối với các trường hợp đủ điều kiện cho phép sử dụng đất theo quy định tại Điều 22 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ, UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn người sử dụng đất làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cơ quan chuyên môn phải tuân thủ quy định về thực hiện nghĩa vụ tài chính (thu tiền sử dụng đất, tiền thu lợi bất chính theo Nghị số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 6/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ và Quyết định số 36/2021, ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh Bình Định về mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, nếu có).

Đối với các trường hợp không đủ điều kiện cho phép tồn tại, thì trong thông báo phải nêu rõ thời gian và hướng xử lý cụ thể; các trường hợp buộc phải tháo dỡ trả đất cho Nhà nước, nếu quá thời gian quy định mà người sử dụng đất không

chấp hành, thì UBND xã, phường, thị trấn báo cáo UBND huyện, thị xã, thành phố thực hiện việc cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

Các trường hợp lấn, chiếm đất đai từ ngày 1/7/2014 trở về sau, Nhà nước không công nhận quyền sử dụng đất, không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn và các phòng chuyên môn thuộc huyện thường xuyên kiểm tra phát hiện các trường hợp mới phát sinh, gắn với việc công bố công khai số điện thoại đường dây nóng, thư điện tử và địa điểm tiếp nhận các thông tin từ tổ chức, công dân phát hiện báo các trường hợp lấn, chiếm đất đai, giao đất trái quy định. Phân công cán bộ trực tiếp tiếp nhận ý kiến và ghi vào sổ theo dõi hàng ngày.

Cán bộ công chức địa chính cấp xã, phường, thị trấn có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra tình hình sử dụng đất tại địa bàn quản lý để phát hiện kịp thời những trường hợp lấn, chiếm đất đai. Khi phát hiện, trong thời hạn không quá một ngày làm việc, kể từ khi phát hiện sai phạm phải báo cáo bằng văn bản lên Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn để xử lý, đồng thời báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, thị xã, thành phố để báo cáo UBND cấp huyện ngăn chặn tháo dỡ kịp thời.

Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn có trách nhiệm chỉ đạo thường xuyên việc kiểm tra phát hiện các hành vi lấn chiếm đất đai. Trong thời hạn không quá một ngày, kể từ ngày phát hiện vi phạm hoặc được báo cáo có vi phạm thì phải tổ chức việc kiểm tra buộc khôi phục lại tình trạng sử dụng đất ban đầu; nếu người có hành vi vi phạm không chấp hành thì tổ chức tháo dỡ, trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo UBND huyện, thị xã, thành phố tổ chức cưỡng chế tháo dỡ kịp thời; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các cơ quan có chức năng trực thuộc phối hợp với UBND xã, phường, thị trấn (nơi có đất xảy ra lấn chiếm) tổ chức thực hiện việc cưỡng chế theo thẩm quyền (trừ trường hợp quy định tại khoản 3, Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ)."

Trên cơ sở Kế hoạch nêu trên, UBND cấp huyện đã ban hành Kế hoạch thực hiện xử lý lấn, chiếm đất đai trên địa bàn cấp huyện để tổ chức thực hiện.

4. Chỉ đạo các đơn vị thực hiện công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Tiếp tục nâng cáo hiệu quả công tác phối hợp, tuyên truyền, vận động, thuyết phục người dân bị thu hồi đất để thực hiện các dự án. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân và giải quyết kịp thời các yêu cầu, phản ánh, kiến nghị của người dân bị thu hồi đất.

4.1. Về nâng cao hiệu quả công tác phối hợp, tuyên truyền, vận động, thuyết phục người dân bị thu hồi đất để thực hiện các dự án

Để nâng cao hiệu quả công tác phối hợp, tuyên truyền, vận động, thuyết phục người dân bị thu hồi đất để thực hiện các dự án, các tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng chủ động rà soát, phân tích, đánh giá quá trình thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; đồng thời, nghiên cứu các quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để ban hành quy định về thực hiện công tác niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trước khi trình phê duyệt phương án và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng Điều 19 Pháp lệnh số 34/PL/UBTVQH11 và Điều 69 Luật Đất đai. Theo đó, niêm yết theo phương thức kết hợp hợp trực tiếp và niêm yết công khai do Tổ trưởng Tổ công tác chủ trì (niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại trụ sở UBND cấp xã, tại hội trường văn hóa thôn (khu vực) nơi có đất để lấy ý kiến của các hộ dân). Tại buổi họp lấy ý kiến dự thảo phương án có sự tham gia của UBND cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các hộ dân có đất bị thu hồi. Sau khi kết thúc thời gian niêm yết dự thảo phương án, Tổ trưởng Tổ công tác tiến hành rà soát, tổng hợp các ý kiến, kiến nghị của các hộ dân và ý kiến của UBND cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã (nếu có); căn cứ vào chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đề xuất ý kiến, báo cáo Hội đồng xem xét trình UBND cấp có thẩm quyền quyết định.

4.2. Về công tác tiếp công dân và giải quyết kịp thời các yêu cầu, phản ánh, kiến nghị của người dân bị thu hồi đất.

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh

Thực hiện Nghị quyết số 73/NQ-HĐND về tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đất đai, bồi thường giải phóng mặt bằng, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành nhiều Văn bản để chỉ đạo thực hiện phù hợp, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Kế hoạch số 81-KH/TU ngày 11/9/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 12/11/2014 của UBND tỉnh thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo¹; Thủ trưởng các

1. Các văn bản UBND tỉnh đã ban hành liên quan đến lĩnh vực công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong năm 2023: Văn bản số 525/UBND-TD ngày 08/02/2023 về việc vận động, giải thích và xử lý theo quy định đối với công dân khiếu nại gây mất an ninh trật tự tại các cơ quan hành chính Nhà nước; Quyết định số 488/QĐUBND ngày 22/02/2023 thành lập đoàn kiểm tra, rà soát lại một số vụ việc khiếu nại đông người, phức tạp, kéo dài trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 1173/UBND-TD ngày 11/3/2023 và Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 10/4/2023 thực hiện Nghị quyết số 623/NQ-UBTVQH15 ngày 07/10/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Văn bản số 100/UBND-TD.m ngày 17/4/2023 về tình hình khiếu kiện phức tạp về an ninh trật tự tại cơ quan Đảng và Nhà nước; Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 27/4/2023 về Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 141/UBND-TD.m ngày 22/5/2023 về việc giải quyết tình hình công dân khiếu nại tại Hà Nội;

sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã ban hành 77 văn bản chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

Các cấp, các ngành đã tổ chức 71 hội nghị, lớp tập huấn để phổ biến quán triệt, tuyên truyền, giáo dục các chính sách, pháp luật và hướng dẫn thực hiện nghiệp vụ công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo cho 8.178 lượt cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân.

Công tác kiểm tra, rà soát các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài trên địa bàn tỉnh tiếp tục được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm, chỉ đạo thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 363/KH-TTTP ngày 20/3/2019, Kế hoạch 1910/KH-TTTP ngày 29/10/2021 của Thanh tra Chính phủ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra, rà soát lại kết quả giải quyết một số vụ việc khiếu nại, kiến nghị đông người, phức tạp, kéo dài trên địa bàn tỉnh, báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo giải quyết dứt điểm một số vụ việc tại các huyện Phù Mỹ, Phù Cát và thành phố Quy Nhơn.

b) Tình hình, kết quả tiếp công dân

Việc xây dựng kế hoạch, lịch tiếp công dân định kỳ của Chủ tịch UBND các cấp và thủ trưởng các sở, ngành được thực hiện thường xuyên và được công bố trên trang thông tin điện tử của các cơ quan và được tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả theo quy định của Luật Tiếp công dân và Nghị định số 64/NĐ-CP của Chính phủ, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân đến thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật. Trong các buổi tiếp dân định kỳ của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc đối thoại giải quyết khiếu nại đều có sự tham gia của đại diện Hội Luật gia, Đoàn luật sư và Hội nông dân tỉnh nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng cho công dân; Việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan nhà nước có liên quan trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân đã được tăng cường, góp phần hạn chế tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, giải quyết chậm trễ đối với các vụ việc thuộc thẩm quyền.

Trong năm 2023, các cấp, các ngành trong tỉnh đã tiếp 3.398 lượt/3.873 người đến Trụ sở tiếp công dân và các cơ quan Nhà nước trình bày 2.768 vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (có 945 vụ khiếu nại, 130 vụ tố cáo và 1.693 vụ việc kiến nghị, phản ánh), cụ thể:

- Chủ tịch UBND tỉnh tiếp định kỳ 12 ngày/74 lượt/74 vụ việc (đạt 100%);

- Lãnh đạo UBND cấp huyện tiếp định kỳ và đột xuất 292 ngày/360 lượt/354 vụ việc, trong đó: Chủ tịch UBND cấp huyện tiếp định kỳ 229 ngày (đạt 78,42%), Phó chủ tịch UBND cấp huyện tiếp định kỳ 63 ngày (đạt 21,58%);

- Lãnh đạo UBND cấp xã tiếp định kỳ 7.295 ngày/258 lượt/181 vụ việc, trong đó: Chủ tịch UBND cấp xã tiếp định kỳ 6.832 ngày (đạt 93,65%), Phó chủ tịch UBND cấp xã tiếp định kỳ 463 ngày (đạt 6,35%);

c) Kết quả giải quyết khiếu nại

Trong tổng số 617 vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền, đến nay đến nay Thủ trưởng các cơ quan hành chính Nhà nước các cấp đã xem xét, giải quyết 556 vụ việc (đạt tỷ lệ 90,11%; cùng kỳ năm 2022 đạt 89,80%), còn 61 vụ việc đang xem xét giải quyết trong thời hạn luật định; trong đó giải quyết thông qua giải thích, thuyết phục 38 vụ; giải quyết bằng Quyết định hành chính 518 vụ. Kết quả giải quyết cho thấy có 33 vụ khiếu nại đúng (chiếm 5,94%), 479 vụ khiếu nại sai (chiếm 86,15%), 44 vụ khiếu nại đúng một phần (chiếm 7,91%).

Riêng khiếu nại liên quan đến lĩnh vực đất đai các cấp, các ngành đã giải quyết 450/502 vụ việc theo thẩm quyền (đạt tỷ lệ 89,64%), hiện còn 52 vụ việc đang thụ lý trong thời hạn quy định. Qua giải quyết khiếu nại đã khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp cho công dân 3.354 triệu đồng và 180m² đất các loại, chuyển hồ sơ sang Cơ quan điều tra 01 vụ việc có dấu hiệu tội phạm.

d) Kết quả giải quyết tố cáo

Trong số 35 vụ việc tố cáo thuộc thẩm quyền, đến nay Thủ trưởng cơ quan hành chính Nhà nước các cấp đã xem xét, giải quyết 32 vụ việc (đạt tỷ lệ 91,43%; cùng kỳ năm 2022 đạt 89,58 %), còn 03 vụ việc đang xem xét giải quyết trong thời hạn luật định. Kết quả giải quyết cho thấy có 01 vụ tố cáo đúng (chiếm 3,13%), 26 vụ tố cáo sai (chiếm 81,25%); 05 vụ tố cáo đúng một phần (chiếm 15,63%).

Qua giải quyết tố cáo, các cấp, các ngành đã chỉ đạo tổ chức kiểm điểm, chấn chỉnh công tác quản lý, củng cố đoàn kết nội bộ, kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ tại những cơ quan, đơn vị có phát sinh đơn thư tố cáo. Qua giải quyết tố cáo, đã khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp cho công dân 10,485 triệu đồng và kiến nghị thu hồi về cho Nhà nước 34,402 triệu đồng.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Các nội dung đã hoàn thành

- UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 27/4/2023 về tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh;

- Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo tổng kết thực hiện Luật Đất đai năm 2013, trong đó đã đánh giá tình hình thực hiện công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (Báo cáo số 144/BC-STNMT ngày 05/8/2021);

- UBND tỉnh ban hành Quyết định 2172/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 về việc ủy quyền cho UBND cấp huyện quyết định giá đất cụ thể;

- UBND tỉnh ban hành Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 bổ sung khoản 10 Điều 40 của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

- UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 ban hành Kế hoạch thực hiện xử lý lấn, chiếm đất đai trên địa bàn tỉnh.

- UBND tỉnh ban hành Quy trình, thủ tục thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; trong đó, có quy định thời gian UBND cấp xã xác nhận nguồn gốc đất đai, tài sản có trên đất.

2. Nội dung chưa hoàn thành

Không có

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, GIẢI PHÁP

1. Khó khăn, vướng mắc

- Đối với trường hợp các doanh nghiệp thực hiện dự án, công trình sản xuất, kinh doanh thuộc trường hợp quy định tại Điều 73 Luật Đất đai năm 2013 (*không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013*) thì phải thỏa thuận về giá với người đang sử dụng đất trong khu vực có công trình, dự án để được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trước khi Nhà nước cho thuê đất theo quy định.

- Thông tin về chủ sử dụng đất, loại đất trên hồ sơ địa chính được lưu tại UBND cấp xã chưa được cập nhật chính lý kịp thời.

- Lực lượng cán bộ làm công tác GPMB còn thiếu, kỹ năng vận động thuyết phục chưa hiệu quả, chưa có nhiều kinh nghiệm.

- Công tác tiếp công dân; tiếp nhận, xử lý đơn thư của một số cơ quan, đơn vị, nhất là các đơn vị cấp cơ sở chưa chặt chẽ; chưa thực sự gắn với yêu cầu chỉ đạo xem xét, giải quyết kịp thời dứt điểm các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân (còn một số vụ việc kéo dài, quá thời hạn).

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của một số cơ quan, đơn vị chưa được thực hiện thường xuyên, nội dung, phương pháp tuyên truyền chưa thật sự hiệu quả.

2. Nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc

- Quy định của pháp luật đất đai hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về quy trình doanh nghiệp tự thỏa thuận với người dân trong trường hợp các doanh nghiệp thực hiện dự án, công trình kinh doanh thương mại, dịch vụ.

- Trách nhiệm của người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị trong công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo chưa thật sự tốt. Trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ở một số cơ quan, đơn vị còn có mặt còn hạn chế so với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Cơ chế, chính sách, pháp luật của Nhà nước còn có một số quy định bất cập, thiếu đồng bộ, có điểm chưa phù hợp với tình hình thực tế, thường xuyên thay đổi, gây nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

Trình độ hiểu biết về chính sách, pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận người dân còn hạn chế hoặc do quyền lợi bị ảnh hưởng nên không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

Để khắc phục những hạn chế trên, trong thời gian tới, UBND tỉnh yêu cầu UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung vào một số giải pháp sau:

+ Thực hiện nghiêm túc kế hoạch lần, chiếm đất đai trái phép để bảo đảm thực hiện đúng quy định pháp luật về đất đai trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

+ Tăng cường công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thanh tra, kiểm tra kiên quyết xử lý nghiêm đối với những trường hợp sử dụng đất, xây dựng công trình không đúng quy hoạch; khắc phục những tồn tại, yếu kém theo Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 27/4/2023 của UBND tỉnh về tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (nhất là cán bộ cấp cơ sở phường, xã) làm công tác tiếp công dân, giải quyết các yêu cầu, phản ánh, kiến nghị của người dân và xử lý khiếu nại, tố cáo theo đúng thẩm quyền quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo các đơn vị thực hiện công tác GPMB cần phải phối hợp chặt chẽ với chính quyền, đoàn thể tại địa phương nơi có đất bị thu hồi, cùng các cơ quan có liên quan lồng ghép bằng nhiều hình thức đẩy mạnh công tác vận động, thuyết phục, giải quyết kịp thời đơn thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của các đối tượng có đất bị thu hồi. Tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật về đất đai; công tác bồi thường và hỗ trợ, tái định cư cũng như mục đích, ý nghĩa của dự án tới các đối tượng là cán bộ, đảng viên, quần chúng gương mẫu có uy tín trong cộng đồng dân cư đề vận động

tuyên truyền tạo sự lan tỏa tích cực nhằm nâng cao nhận thức trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi trong việc chấp hành chủ trương thu hồi đất của Nhà nước.

- Chỉ đạo các đơn vị thực hiện công tác GPMB tiếp nhận và kịp thời phân loại, xác minh làm rõ và giải quyết dứt điểm, có tình, có lý, không để dây dưa kéo dài đối với các đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền hoặc được giao, đặc biệt là các đơn thư phản ánh, kiến nghị của các đối tượng bị ảnh hưởng các dự án, nhằm kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, thiếu sót, những thông tin không đúng làm ảnh hưởng tới tiến độ giải phóng mặt bằng của các dự án.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác tiếp công dân theo quy định của Luật Tiếp công dân và Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ; thực hiện nghiêm túc trách nhiệm tiếp công dân theo Quy định số 11-QĐi/TW ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị, Quy chế số 08-QC/TU ngày 29/8/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về trách nhiệm người đứng đầu trong tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những kiến nghị, phản ánh của dân; kiên trì vận động và giải thích rõ các nội dung khiếu nại người dân chưa hiểu; tiếp công dân phải gắn với việc kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo giải quyết kịp thời, dứt điểm vụ việc, không để kéo dài, gây bức xúc, khiếu kiện vượt cấp; tổ chức tốt việc tiếp dân đột xuất, đối thoại với công dân để chỉ đạo giải quyết kịp thời các vụ việc phức tạp, đông người khi mới phát sinh liên quan lĩnh vực đất đai, bồi thường giải phóng mặt bằng.

- Tăng cường kiểm tra, thanh tra trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là đơn thư liên quan lĩnh vực đất đai, bồi thường giải phóng mặt bằng.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tập trung vào các ngành, lĩnh vực phát sinh nhiều khiếu kiện của công dân như bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư, xác nhận nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất...

- Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo cho cán bộ và nhân dân bằng nhiều hình thức phù hợp, bảo đảm tính thiết thực, hiệu quả. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

B. NGHỊ QUYẾT SỐ 74/NQ-HĐND NGÀY 10/12/2022 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VỀ KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH, GIAI ĐOẠN 2019 - 2021

1. Kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, rà soát ban hành các quy định sửa đổi, bổ sung các chính sách đặc thù về phát triển giáo dục đồng bào DTTS và miền núi, trong đó sửa đổi Thông tư số 109/2009/TTLT/BTC/BGDĐT ngày 29/5/2009 liên Bộ Tài chính-Giáo dục và Đào tạo và trình Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/6/2016 của Chính phủ để đảm bảo phù hợp thực tiễn.

Về nội dung này, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã trả lời tại Văn bản số 1167/BGDĐT-VP ngày 21/3/2023 như sau:

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023; Quyết định số 4626/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề án và quyết định cá biệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2023, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang xây dựng Nghị định quy định chính sách cho học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có học sinh hưởng chính sách (thay thế Nghị định số 116/2016/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT). Trong quá trình xây dựng Nghị định, Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các bộ, ngành, địa phương đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ cho phù hợp với thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách của Nhà nước.

Năm 2022, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 1609/QĐ-TTg ngày 26/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình “Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022-2030”.

2. Thực hiện mục tiêu phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (trong đó có tiểu Dự án “Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số”) phần đầu đến năm 2025 có 100% số trường, lớp học được xây dựng kiên cố theo mục tiêu Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh:

Trong thời gian qua, UBND tỉnh Bình Định chỉ đạo thực hiện kịp thời các chính sách đặc thù của địa phương hỗ trợ phát triển giáo dục trên địa bàn tỉnh, ban hành các văn bản hiện đang triển khai thực hiện như:

- Quyết định số 3734/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của UBND tỉnh về việc phân bổ nguồn kinh phí trung ương bổ sung có mục tiêu và kinh phí ngân sách địa

phương đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn năm 2021;

- Quyết định số 4163/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch và dự toán thực hiện chương trình mục tiêu giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn của tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 66/2022/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh về quy định một số nội dung và mức chi hỗ trợ thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 4730/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục, quy mô đầu tư cải tạo, sửa chữa các công trình trường học năm 2021 thuộc Chương trình mục tiêu giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn của tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND tỉnh về quy định nội dung và mức chi hỗ trợ khuyến khích người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học xóa mù chữ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Quyết định số 1585/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình “Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022-2030” trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Công văn số 6033/UBND-VX ngày 28/9/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020.

Thực hiện Quyết định số 2434/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; ngày 07/02/2023 Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch số 214/KH-SGDĐT để triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 của dự án 5 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch số 1763/KH-SGDĐT ngày 12/7/2023 để thay thế Kế hoạch số 214/KH-SGDĐT do điều chỉnh đối tượng thụ hưởng Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Hàng năm, căn cứ Kế hoạch vốn UBND tỉnh giao, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện liên quan đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, có học sinh nội trú; xây dựng tài liệu phục vụ hướng dẫn dạy xóa mù chữ cho người dân vùng đồng

bào DTTS; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiêu chuẩn 1 của dự án 5 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 đảm bảo hoàn thành mục tiêu có 100% số trường, lớp học được xây dựng kiên cố theo mục tiêu Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trong năm 2025.

3. Rà soát, nghiên cứu trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các chính sách đặc thù của tỉnh để hỗ trợ cho giáo viên, học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện tốt Chương trình hành động số 07-CT/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy; Nghiên cứu trình Hội đồng nhân dân tỉnh có cơ chế, chính sách hỗ trợ cho học sinh (người dân tộc thiểu số) ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo học tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn huyện.

* Đối với học sinh:

Trong thời gian qua, ngoài các chế độ chính sách hiện đang hỗ trợ cho học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi như:

- Chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Chế độ, chính sách hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở, hỗ trợ gạo cho học sinh là người dân tộc thiểu số học ở các trường dân tộc bán trú hoặc trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn và chính sách hỗ trợ trường phổ thông dân tộc bán trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ (kể cả Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg và Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh);

- Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

- Thực hiện một số chế độ đối với học sinh dân tộc thiểu số học nội trú trong các trường phổ thông dân tộc nội trú theo Thông tư liên tịch số 109/TTLT/BTC/BGDĐT ngày 29/5/2009 của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc.

Ngoài ra, để giảm bớt khó khăn, đáp ứng nhu cầu ăn ở so với tình hình thực tế, đồng viên học sinh bám lớp, bám trường, Sở Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với các sở, ngành, tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 23/3/2022 thông qua Quy định mức hỗ trợ thêm tiền ăn cho học sinh dân tộc thiểu số học nội trú tại các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh, theo đó UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 13/4/2022 về việc quy định mức hỗ trợ thêm tiền ăn cho học sinh dân tộc thiểu số học nội trú tại các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh (mức hỗ trợ thêm tiền ăn là 540.000 đồng/học sinh/tháng; thời gian được hỗ trợ tối đa là 9 tháng/năm học).

UBND tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 thông qua Quy định một số chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Theo đó, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 84/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 Quy định một số chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, trong đó quy định chính sách hỗ trợ học sinh đi học, đối tượng hỗ trợ là học sinh người dân tộc thiểu số đang đi học tại các trường mẫu giáo, mầm non và phổ thông các cấp thuộc các huyện: Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão, Hoài Ân, Tây Sơn, Phù Cát.

*** Đối với giáo viên:**

Giáo viên công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, được hưởng các chính sách chung đối với nhà giáo theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập; Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của Bộ Tài chính-Bộ Nội vụ-Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập; Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo. Ngoài ra, còn được hưởng thêm các chính sách khác như: phụ cấp ưu đãi, phụ cấp thu hút, phụ cấp công tác lâu năm ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; phụ cấp trách nhiệm; trợ cấp chuyên vùng, trợ cấp lần đầu, trợ cấp học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; hỗ trợ dạy lớp ghép, tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non; Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong

lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 23/02/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Thông tư liên tịch số 06/2007/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 27/3/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Việc bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức quản lý, giáo viên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông mới và chuẩn trình độ giáo viên theo quy định.

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện thường xuyên công tác đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa theo tiêu chuẩn chức danh, chức vụ, vị trí việc làm; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp cho đội ngũ nhà giáo; đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác bồi dưỡng thường xuyên; nâng cao tính tích cực, chủ trọng tự bồi dưỡng của nhà giáo; hiện đã bồi dưỡng Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho 846 lượt giáo viên người dân tộc thiểu số (trong đó: 444 lượt giáo viên tiểu học, 324 lượt giáo viên THCS, 78 lượt giáo viên THPT) và tiếp tục triển khai thực hiện bồi dưỡng giáo viên theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018; đào tạo nâng chuẩn trình độ chuyên môn của giáo viên theo quy định Luật Giáo dục 2019. Ngoài ra, giáo viên còn được đào tạo nâng trình độ chuẩn theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ Quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và Kế hoạch số 681/KH-BGDĐT ngày 28/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở giai đoạn 1 (2020-2025). Sở Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 03/11/2021 thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh và Công văn số 4042/UBND-VX ngày 17/7/2023 về việc thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP. Sở Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với Đại học Đồng Tháp tiến hành đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo cho 24 giáo viên đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cấp tiểu học, trung học cơ sở khóa 2022-2025.

Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với viên chức được cử đi đào tạo sau đại học theo Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về chính sách trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo. Nhìn chung, các chế độ chính sách cho việc bồi dưỡng đã được Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục chi trả đúng quy định.

5. UBND các huyện ngoài các nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia, địa phương chủ động nguồn ngân sách và nguồn huy động xã hội hóa để tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất trường, lớp học đảm bảo yêu cầu phát triển giáo dục của địa phương. Tiếp tục tích cực thực hiện tốt công tác phối hợp tuyên truyền vận động học sinh đến trường, đến lớp, hạn chế học sinh bỏ học.

C. NGHỊ QUYẾT SỐ 75/NQ-HĐND NGÀY 10/12/2022 CỦA HĐND TỈNH VỀ KẾT QUẢ GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUY HOẠCH, SẮP XẾP, BỐ TRÍ, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ Ở VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI, VÙNG ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TỪ NĂM 2019-2021

1. Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ

Ngày 19/7/2023, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 130/KH-UBND thực hiện Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030; với mục tiêu cụ thể:

a) Giai đoạn 2023-2030, thực hiện bố trí ổn định dân cư cho 1.542 hộ; trong đó giai đoạn 2023-2025, bố trí ổn định cho 541 hộ, cụ thể:

- Các dự án dở dang giai đoạn 2016-2022 (chuyển tiếp): 316 hộ;
- Các dự án mở mới bố trí ổn định dân cư: 225 hộ.

Hình thức bố trí: tập trung 480 hộ; xen ghép 61 hộ.

b) Phân đầu đến năm 2025, tại các vùng dự án bố trí ổn định dân cư: Tỷ lệ hộ nghèo giảm trên 1,5-2%/năm; GRDP bình quân đầu người đạt trên 3.900 USD; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 66%; duy trì 100% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; tỷ lệ sử dụng điện đạt 100%; không còn nhà tạm, dột nát; tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố đạt 98% trở lên (Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025).

2. Có giải pháp hỗ trợ tiền sử dụng đất theo quy định để thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho các hộ dân xã An Dũng đã tái định cư về nơi ở mới thuộc Dự án Hồ chứa nước Đồng Mít. Đồng thời, xem xét hỗ trợ và kéo dài thời gian hỗ trợ gạo ăn, phân bón, vật tư nông nghiệp cho nhân dân xã An Dũng cho đến khi nhân dân trồng được cây lúa nước; xem xét hỗ trợ theo quy định cho 07 hộ dân tái định cư xen ghép tại thôn 5, xã An Nghĩa và thôn 5, xã An Quang, di chuyển đến nơi ở khác do ở vùng sạt lở.

- Về giải pháp hỗ trợ tiền sử dụng đất theo quy định để thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho các hộ dân xã An Dũng đã tái định cư về nơi ở mới thuộc Dự án Hồ chứa nước Đồng Mít: Hiện nay, các hộ dân đã tái định cư chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế theo quy định, nên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho các hộ nói trên. UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND huyện An Lão phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân chờ hướng giải quyết của cấp có thẩm quyền; đồng thời tham mưu, đề xuất việc miễn giảm tiền sử dụng đất cho các hộ gia đình được giao đất ở tái định cư thuộc Dự án Hồ chứa nước Đồng Mít.

- Về xem xét hỗ trợ và kéo dài thời gian hỗ trợ gạo ăn, phân bón, vật tư nông nghiệp cho nhân dân xã An Dũng cho đến khi nhân dân trồng được cây lúa nước: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 84/2022/QĐ - UBND ngày 20/12/2022 quy định một số chính sách đối đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh. Theo đó đã hỗ trợ 100% giá giống lúa lai, với định mức 45 kg giống lúa lai/ha, mỗi năm hỗ trợ 02 vụ lúa/năm.

- Về xem xét hỗ trợ theo quy định cho 07 hộ dân tái định cư xen ghép tại thôn 5, xã An Nghĩa và thôn 5, xã An Quang, di chuyển đến nơi ở khác do ở vùng sạt lở:

+ Trong khu tái định cư xen ghép vùng thiên tai Gò Vành thôn 5, xã An Nghĩa có tổng số hộ 11 hộ, trong đó có 07 hộ thuộc diện nằm trong đối tượng định canh, định cư xen ghép vùng thiên tai, UBND tỉnh đã giao UBND huyện An Lão phối hợp với Ủy ban Mặt trận TQVN huyện và đơn vị kết nghĩa của thôn và từ nguồn lặt bấu đã hỗ trợ xây dựng nhà ở với mức hỗ trợ từ 40 - 60 triệu đồng/hộ cho 07 hộ/hộ cho 07 hộ (kinh phí hỗ trợ 320 triệu đồng từ nguồn xã hội hóa), 04 hộ còn lại không thuộc đối tượng hỗ trợ của Dự án 1 và Dự án 2 theo Quyết định số 1719/QĐ - TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Trong dự án này, UBND huyện An Lão đã sử dụng ngân sách huyện đầu tư tạo mặt bằng và xây dựng hạ tầng thiết yếu khu tái định cư xen ghép nói trên. Vì vậy 04 hộ tự di dời đến nơi ở mới không thuộc diện hỗ trợ xen ghép theo quy định hiện hành;

+ Đối với 05 hộ tái định cư xen ghép vùng sạt lở tại thôn 5, xã An Quang: UBND huyện An Lão đã đầu tư từ ngân sách huyện san ủi mặt bằng, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 5 hộ và hỗ trợ xây dựng nhà ở mới với mức 44

triệu đồng/hộ, số hộ hỗ trợ 4/5 hộ, có 01 hộ chưa hỗ trợ do nhà của cha nhưng đã chết, không có thủ tục thừa kế, Đảng ủy, UBND xã An Quang xác định hộ này không thuộc đối tượng hỗ trợ (kinh phí hỗ trợ nhà ở cho 04 hộ tái định cư xen ghép 176 triệu đồng, kinh phí này thực hiện từ Dự án 1 theo Quyết định số 1719/QĐ - TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ năm 2023).

3. Kịp thời bố trí kinh phí cho các dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư để các địa phương chủ động tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng tiến độ đề ra. Đồng thời, chỉ đạo lồng ghép với nguồn vốn của các chương trình, dự án và nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn để triển khai thực hiện có hiệu quả

Thực hiện Dự án 2 về Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết; trong 2 năm 2022 và 2023 UBND tỉnh đã phân bổ vốn thực hiện Dự án, với tổng kinh phí 39.203 triệu đồng (NSTW 34.554 triệu đồng và NS tỉnh 4.649 triệu đồng), cụ thể:

- Khu tái định cư vùng thiên tai thôn 4, thôn 5 xã An Trung, huyện An Lão: Kinh phí đã cấp 9.771 triệu đồng (NSTW 7.830 triệu đồng và NS tỉnh 1.941 triệu đồng);

- Bố trí tái định cư thôn 2 xã An Toàn, huyện An Lão: Kinh phí đã cấp 3.326 triệu đồng (NSTW 3.202 triệu đồng và NS tỉnh 124 triệu đồng);

- Dự án định canh, định cư tập trung làng K2 (Suối Đá), xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh: Kinh phí đã cấp 17.226 triệu đồng (NSTW 15.372 triệu đồng và NS tỉnh 1.854 triệu đồng);

- Dự án Khu Dân cư làng T6 (Làng mới Đak Pok), xã Đăk Mang, huyện Hoài Ân: Kinh phí đã cấp 8.880 triệu đồng (NSTW 8.150 triệu đồng và NS tỉnh 730 triệu đồng).

Về tiến độ triển khai thực hiện:

- Khu tái định cư vùng thiên tai thôn 4, thôn 5 xã An Trung, huyện An Lão, với quy mô đầu tư 5ha với 90 hộ định canh định cư tập trung, tổng mức đầu tư 24.700 triệu đồng và Dự án Bố trí tái định cư thôn 2 xã An Toàn, huyện An Lão, với quy mô đầu tư 2,5ha với 40 hộ định canh định cư tập trung, tổng mức đầu tư 11.500 triệu đồng: 02 công trình này UBND huyện An Lão đã tổ chức đấu thầu và đang triển khai thực hiện. Dự kiến đến 31/12/2023 sẽ giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn giao.

- Dự án định canh, định cư tập trung làng K2 (Suối Đá), xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, với quy mô đầu tư 3,49ha với 46 hộ định canh định cư tập trung, tổng mức đầu tư 25.600 triệu đồng: UBND huyện Vĩnh Thạnh đang triển khai thực hiện

đạt trên 80% khối lượng. Dự kiến đến 31/12/2023 dự án sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng.

- Dự án Khu Dân cư làng T6 (Làng mới Đak Pok), xã Đăk Mang, huyện Hoài Ân với quy mô đầu tư 4ha với 35 hộ định canh định cư tập trung, tổng mức đầu tư 11.000 triệu đồng: UBND huyện Hoài Ân đang triển khai thực hiện đạt trên 80% khối lượng. Dự kiến đến 31/12/2023 dự án sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Từ nguồn vốn của Trung ương và của tỉnh phân bổ cho UBND các huyện thực hiện dự án, UBND tỉnh đã chỉ đạo các địa phương tập trung phân bổ vốn đối ứng từ ngân sách huyện theo quy định; đồng thời, chú trọng lồng ghép với nguồn vốn của các chương trình, dự án và nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn để triển khai thực hiện có hiệu quả Dự án.

4. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan đẩy nhanh tiến độ triển khai Dự án định canh, định cư tập trung làng K2 (Suối Đá), xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh và Dự án định canh, định cư tập trung làng Suối Diếp xã Canh Hoà, huyện Vân Canh

- Dự án định canh, định cư tập trung làng K2 (Suối Đá), xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, với quy mô đầu tư 3,49ha với 46 hộ định canh định cư tập trung, tổng mức đầu tư được duyệt 25.600 triệu đồng. Kinh phí đã cấp 17.226 triệu đồng và đã giải ngân 15.177 triệu đồng, đạt tỷ lệ 88,11% kế hoạch vốn giao. Dự kiến đến 31/12/2023 dự án sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng.

- Dự án định canh, định cư tập trung làng Suối Diếp, xã Canh Hoà, huyện Vân Canh với quy mô đầu tư 5,5ha với 65 hộ định canh định cư tập trung, tổng mức đầu tư khoảng 23.000 triệu đồng. Kinh phí đã phân bổ cho dự án đến năm 2023 là 8.465 triệu đồng (NSTW 8.060 triệu đồng và NS tỉnh 405 triệu đồng).

Tuy nhiên, vị trí để đầu tư xây dựng Dự án chưa được quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 nên không thể triển khai thực hiện các bước tiếp theo, nên đã điều chuyển vốn phân bổ sang các công trình khác có khối lượng hoàn thành. Vì vậy, UBND huyện Vân Canh đã tổ chức lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cho khu vực xây dựng dự án này và được phê duyệt tại Quyết định số 1458/QĐ-UBND ngày 09/6/2023.

Ngay sau khi quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được duyệt, UBND huyện đã chỉ đạo khẩn trương tiến hành triển khai thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư. Hiện nay công trình đang lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường để có cơ sở trình Sở Xây dựng thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi và tiến hành các thủ tục tiếp theo; đồng thời, huyện tiến hành song song công tác kiểm kê đất đai, hoa màu và vật kiến trúc bị ảnh hưởng bởi dự án để lập phương án bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định. Sang năm 2024 sẽ bố trí vốn để triển khai thực hiện Dự án này.

UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện Vĩnh Thạnh và Vân Canh khẩn trương đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các chương trình, dự án đã được giao vốn theo quy định. Đồng thời, đã ban hành các văn bản đôn đốc các đơn vị, địa phương bằng các văn bản cụ thể (Công văn số 1186/UBND-VX ngày 07/3/2023 về việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2023, Công văn số 1263/UBND-TH ngày 09/3/2023 về việc triển khai thực hiện Công điện số 71/CĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Công văn số 1588/UBND-VX ngày 22/3/2023 về việc tập trung đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2023, Công văn số 2105/UBND-TH ngày 10/4/2023 về việc đẩy mạnh thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, Quyết định số 1062/QĐ-UBND ngày 06/04/2023 về việc thành lập các Tổ công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại các địa phương, Thông báo số 211/TB-UBND ngày 16/6/2023 thông báo ý kiến kết luận của đồng chí Nguyễn Tuấn Thanh, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 tại cuộc họp nghe báo cáo tiến độ triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia thời gian qua và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thời gian tới, Công văn 7738/UBND-VX ngày 19/10/2023 về việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 ...); đồng thời, hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc và chỉ đạo kịp thời các địa phương đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án.

5. Chỉ đạo Ban Dân tộc tỉnh phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, hướng dẫn các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi triển khai thực hiện Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Chương trình) đảm bảo không trùng lặp với Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ

Trong giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh đã phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn; trong đó, có các danh mục công trình: Khu tái định cư vùng thiên tai thôn 4, thôn 5 xã An Trung, huyện An Lão; Bố trí tái định cư thôn 2 xã An Toàn, huyện An Lão; Dự án định canh, định cư tập trung làng K2 (Suối Đá), xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh; Dự án ĐCĐC tập trung làng Suối Diếp, xã Canh Hoà, huyện Vân Canh; Dự án Khu Dân cư làng T6 (Làng mới Đak Pok), xã Đăk Mang, huyện Hoài Ân thuộc Dự án 2 của Chương trình, các địa phương đang triển khai thực hiện và đảm bảo không trùng lặp đối tượng với Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

D. NGHỊ QUYẾT SỐ 76/NQ-HĐND NGÀY 10/12/2022 CỦA HĐND TỈNH VỀ GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, CẤP PHÉP

KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2017-2021

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác quản lý, cấp phép hoạt động khoáng sản

Việc cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản căn cứ tình hình thực tế nhu cầu khoáng sản tại địa phương, phù hợp với quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Bình Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (theo các Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 27/12/2013; Quyết định số 28/2017/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 và Phương án thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh), vừa đảm bảo phát triển công nghiệp khai khoáng, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đi đôi với bảo đảm an ninh, quốc phòng, bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan, di tích lịch sử, văn hoá.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 140 giấy phép khai thác khoáng sản (134 giấy phép do UBND tỉnh cấp và 6 giấy phép do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp) còn hiệu lực hoạt động². Trong thời gian qua, hầu hết các doanh nghiệp hoạt động khai thác khoáng sản thực hiện tuân thủ quy định theo giấy phép được cấp, công tác bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản chấp hành đầy đủ theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, một số doanh nghiệp đã đầu tư nhà máy chế biến khoáng sản để nâng cao giá trị khoáng sản. Hoạt động khai thác khoáng sản của tỉnh dần dần đi vào chiều sâu, quy mô công nghiệp được thay thế kiểu khai thác nhỏ lẻ trước đây nên sản lượng, giá trị khoáng sản, tạo nguồn thu từ khai thác, chế biến khoáng sản, giải quyết nhiều việc làm cho lao động, góp phần vào việc phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Công tác cải cách thủ tục hành chính trong giải quyết hồ sơ thủ tục cấp phép khai thác khoáng sản được tập trung rút ngắn thời gian, quy trình, xây dựng các báo cáo mẫu giải quyết hồ sơ cấp phép mỏ vật liệu kịp thời phục vụ thi công các công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh, giải quyết các hồ sơ trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản của doanh nghiệp nhanh chóng, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động khoáng sản. Việc giải quyết thủ tục cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản được tiếp nhận và trả kết quả được thực hiện tại Trung tâm Dịch vụ Hành chính công tỉnh Bình Định, đến nay chưa có hồ sơ trễ hẹn về lĩnh vực khoáng sản.

²Đá làm vật liệu xây dựng (bao gồm đá xay nghiền và đá làm VLXD thông thường có thu hồi đá khối) có 54 giấy phép (UBND tỉnh cấp 51 giấy phép, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp 03 giấy phép), 39 giấy phép khai thác cát (02 giấy phép cát làm khuôn đúc, 32 giấy phép cát sỏi lòng sông, 02 giấy phép cát tô, 03 giấy phép khai thác cát trong quá trình nạo vét khơi thông dòng chảy), đất san lấp 41 giấy phép, đất sét 03 giấy phép, 02 giấy phép khai thác titan, 01 giấy phép khai thác nước khoáng.

2. Về việc khắc phục những tồn tại, hạn chế về quy hoạch, quản lý thăm dò, khai thác khoáng sản

UBND tỉnh có Văn bản số 181/UBND-KT ngày 11/01/2023 chỉ đạo các ngành chức năng, địa phương triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh. Đến nay, các sở, ngành liên quan của tỉnh báo cáo các kết quả thực hiện như sau:

2.1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 09/3/2023 thực hiện Kế hoạch số 50-KH/TU ngày 16/12/2022 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ban ngành của tỉnh, UBND cấp huyện triển khai thực hiện kế hoạch một cách hiệu quả.

- Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Văn bản số 229/BC-STNMT ngày 18/11/2022 báo cáo thực hiện cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản trong thời gian qua và kế hoạch thực hiện đến năm 2025 để triển khai trong thời gian tới.

- Đôn đốc, nhắc nhở các doanh nghiệp thực hiện việc nộp bổ sung thiết kế cơ sở (thiết kế mỏ) đã có ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng, đến nay có 09/09 dự án khai thác mỏ đã thực hiện xong nộp bổ sung thiết kế cơ sở; đồng thời có Văn bản số 3415/STNMT-TNKS ngày 23/11/2022 đôn đốc các doanh nghiệp khẩn trương nộp tài liệu lưu trữ báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (tại Trung tâm Thông tin Lưu trữ địa chất và Tạp chí Địa chất – Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam), có 59/59 báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã được doanh nghiệp gửi nộp lưu trữ tại Trung tâm Thông tin Lưu trữ địa chất và Tạp chí Địa chất theo quy định.

- Đối với các doanh nghiệp được cấp phép khai thác khoáng sản nhưng chưa thực hiện thủ tục thuê đất (chủ yếu phục vụ các công trình trọng điểm của tỉnh), Sở Tài nguyên và Môi trường đã thông báo và yêu cầu các doanh nghiệp thực hiện, đến nay đã trình UBND tỉnh ban hành 04 Quyết định cho thuê đất; 01 trường hợp đang giải quyết, 01 trường hợp ngừng hoạt động khai thác đang làm thủ tục đề thuê đất; đồng thời phối hợp với Cục Thuế tỉnh và các đơn vị liên quan giải quyết đối với 08 trường hợp giấy phép đã hết hạn khai thác thực hiện truy thu tiền thuê đất, đến nay 08 đơn vị này đã nộp đủ truy thu tiền thuê đất theo thông báo của cơ quan thuế.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật: Trên cơ sở quy định pháp luật về khoáng sản và các văn bản quy phạm pháp luật, chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị liên quan tổ

chức tuyên truyền, hướng dẫn các quy định về khoáng sản, nhất là công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, hướng dẫn các chủ mỏ lắp đặt trạm cân, camera giám sát để cơ quan chức năng kiểm tra, theo dõi. Đồng thời, phối hợp với các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương thực hiện tuyên truyền về chính sách pháp luật về khoáng sản, Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 27/9/2017 (nay là Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 15/8/2022) và Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của UBND tỉnh, trong đó có nội dung: Phối hợp với Báo Tài nguyên và Môi trường, Báo Bình Định tăng cường tuyên truyền pháp luật về bảo vệ tài nguyên khoáng sản; phối hợp với Công an tỉnh tuyên truyền các doanh nghiệp hoạt động khoáng sản, ký cam kết không vận chuyển khoáng sản quá khổ, quá tải theo quy định.

- Sở Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 3546/STNMT-TNKS ngày 02/12/2022 yêu cầu các doanh nghiệp nộp báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản và bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng; báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản; Phối hợp với Cục Thuế tỉnh kiểm tra, rà soát sản lượng khai thác giữa báo cáo định kỳ của đơn vị khai thác khoáng sản với thông tin do các doanh nghiệp cung cấp về sản lượng khai thác và nghĩa vụ tài chính của các doanh nghiệp khai thác. Qua đó, Cục Thuế tỉnh có Văn bản số 189/CTBDI-HKDCN ngày 16/01/2023 cung cấp thông tin về sản lượng khai thác và nghĩa vụ tài chính của các doanh nghiệp. Qua đối chiếu, rà soát báo cáo kết quả, kê khai của doanh nghiệp, Sở Tài nguyên và Môi trường đã làm việc các trường hợp có số liệu kê khai sản lượng của cơ quan thuế vượt công suất được cấp phép. Qua đó đã phát hiện và lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, trình UBND tỉnh xử phạt 01 trường hợp với số tiền 700 triệu đồng.

- Tăng cường công tác thanh kiểm tra: Trong năm 2022 và năm 2023, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với các sở, ngành, chính quyền địa phương kiểm tra đối với 41 mỏ vật liệu của các doanh nghiệp được UBND tỉnh cấp giấy phép khai thác khoáng sản. Qua kết quả kiểm tra cho thấy phần lớn các đơn vị được kiểm tra chấp hành đầy đủ các quy định về hoạt động khai thác khoáng sản, thực hiện tương đối đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, bên cạnh đó, còn một số đơn vị chưa chấp hành đầy đủ các nội dung theo giấy phép khai thác khoáng sản được cấp và còn một số tồn tại, Đoàn kiểm tra đã nhắc nhở, chấn chỉnh và lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính 09 doanh nghiệp với tổng số tiền 142 triệu đồng, hiện nay đang xác minh để lập hồ sơ xử phạt 04 đơn vị. Ngoài xử lý vi phạm hành chính, Đoàn kiểm tra đã yêu cầu các doanh nghiệp còn một số tồn tại trong khai thác khoáng sản.

Ngoài ra, trong năm 2023 Sở Tài nguyên và Môi trường đã kiểm tra, phát hiện lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính 04 doanh nghiệp về hành vi khai thác khoáng sản với tổng số tiền 950 triệu đồng.

- Sở Tài nguyên và Môi trường đã đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện lắp đặt camera tại các mỏ khai thác khoáng sản. Đến nay có 113 mỏ đang hoạt động khai thác khoáng sản đã lắp đặt camera giám sát (với tổng 166 camera); các trường hợp đang hoàn thiện các thủ tục để khai thác hoặc tạm dừng khai thác do mùa mưa lũ, Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi và đôn đốc doanh nghiệp lắp đặt camera trước khi hoạt động; có 40 mỏ hoạt động khoáng sản đã lắp đặt trạm cân, tập trung ở các mỏ đá xây dựng có tuổi thọ mỏ dài, có sân công nghiệp, công trình phụ trợ cho việc khai thác. Thông tin kết nối camera và trạm cân, Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển đến các cơ quan liên quan như Cục Thuế tỉnh, Sở Thông tin truyền thông, Sở Giao thông Vận tải, Công an tỉnh và UBND các huyện để phối hợp theo dõi, quản lý. Một số mỏ đá chưa lắp đặt trạm cân, do chưa đủ điều kiện, Sở Tài nguyên và Môi trường đã mời các doanh nghiệp để hướng dẫn và yêu cầu cam kết lắp đặt trong thời gian tới.

- Trong công tác bảo vệ môi trường: Sở Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 3398/STNMT-TNKS ngày 22/11/2022 yêu cầu các doanh nghiệp khẩn trương nộp hồ sơ đề nghị đóng cửa mỏ. Trong 2 năm 2022-2023, Sở Tài nguyên và Môi trường đã trình UBND tỉnh phê duyệt 14 đề án đóng cửa mỏ và cho đóng cửa 11 mỏ sau khi phục hồi môi trường; đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường đóng cửa 3 mỏ titan; cấp giấy xác nhận công trình BVMT (hoặc giấy phép môi trường) cho 5 doanh nghiệp khai thác khoáng sản.

- Đối với nhiệm vụ: Nghiên cứu xây dựng chính sách thuế suất tài nguyên nhằm khuyến khích doanh nghiệp đầu tư ứng dụng tiến bộ khoa học, đổi mới công nghệ hiện đại trong khai thác, chế biến khoáng sản. Theo Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 09/3/2023 của UBND tỉnh đã giao Sở Khoa học và Công nghệ ưu tiên đề xuất các nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu khoa học về đổi mới đồng bộ công nghệ, thiết bị tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường cho hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản, giai đoạn 2023-2030. Trong thời gian đến, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ để triển khai thực hiện.

- Tổ chức rà soát, lập kế hoạch đấu giá các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường để đáp ứng kịp thời nhu cầu xây dựng cơ bản, phục vụ thi công các công trình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và nhu cầu dân sinh nhằm góp phần hạn chế tình trạng khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng trái phép.

Từ năm 2016 đến nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất đưa 51 khu vực đưa vào đấu giá, đã đấu giá thành là 44 mỏ và 07 khu vực đấu không thành. Hiện nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đang tổ chức triển khai đấu giá 45 điểm mỏ (bao gồm: 3 mỏ đá, 09 mỏ cát, 30 mỏ đất và 03 mỏ đất sét làm gạch ngói), thời gian trong tháng 12 năm 2023 để kịp thời cấp phép phục vụ nhu cầu vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục cải cách hành chính trong công tác quản lý hoạt động khoáng sản; ứng dụng công nghệ thông tin; triển khai ứng dụng Cơ sở dữ liệu GIS về khoáng sản tỉnh Bình Định: Đề tài xây dựng cơ sở dữ liệu GIS quản lý khoáng sản tỉnh Bình Định đã được Sở Khoa học và Công nghệ bàn giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường ngày 23/5/2023. Ngày 26/5/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức buổi làm việc về triển khai ứng dụng sản phẩm của đề tài vào kế hoạch chuyển đổi số của UBND tỉnh theo Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 10/3/2023. Đồng thời, Sở Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 1675/STNMT-TNKS ngày 29/5/2023 gửi Sở Thông tin Truyền thông tích hợp vào hệ thống vận hành dữ liệu số của tỉnh. Ngày 12/10/2023, Đề tài GIS khoáng sản Bình Định đã được Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển phần cơ sở dữ liệu cho Sở Thông tin Truyền thông nghiên cứu sử dụng, tích hợp vào kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh. Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục phối hợp với Sở Thông tin Truyền thông trong thời gian tới để vận hành hiệu quả đề tài này.

2.2. Sở Xây dựng

Trên cơ sở các điểm mỏ khoáng sản làm VLXD thông thường được UBND tỉnh thông qua tại Văn bản số 3462/UBND-KT ngày 21/6/2022; các quy hoạch khoáng sản làm VLXD đã được UBND tỉnh phê duyệt trước đây, Sở Xây dựng đã tổng hợp, có văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tích hợp các quy hoạch khoáng sản nêu trên vào quy hoạch tỉnh, làm cơ sở để triển khai thực hiện các thủ tục về cấp phép khai thác khoáng sản theo quy định.

Công tác thẩm định các hồ sơ thiết kế khai thác khoáng sản đảm bảo công nghệ tiên tiến, giảm thiểu tác động đến môi trường, phù hợp với điều kiện thực tế từng khu vực mỏ: Trong năm 2023, Sở Xây dựng đã thực hiện thẩm định 14 dự án khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng, trong đó có 06 dự án khai thác đất san lấp, 01 dự án khai thác đất sét, 01 dự án khai thác cát, 06 dự án khai thác đá làm vật liệu xây dựng. Trong công tác thẩm định, Sở Xây dựng đã hướng dẫn các đơn vị tư vấn, chủ đầu tư, áp dụng các công nghệ tiên tiến trong hồ sơ thiết kế khai thác theo hướng nâng cao công suất, rút ngắn thời gian khai thác, giảm thiểu tối đa các tác động ô nhiễm môi trường. Hiện nay, đối với hoạt động khai thác đá làm VLXD trên địa bàn tỉnh đã áp dụng các thiết bị, công nghệ tiên tiến như (máy cưa đĩa, máy cưa dây...) trong hoạt động khai thác là cơ bản đáp ứng được các yêu cầu về nâng cao, chuyển đổi công nghệ trong hoạt động khai thác và phù hợp theo tình hình thực tế từng khu vực mỏ trong giai đoạn hiện nay.

2.3. Sở Tài chính

Hàng năm, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan xây dựng Bảng giá tính thuế tài nguyên làm cơ sở trình UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính

thuế tài nguyên và hệ số quy đổi một số loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Đề chủ động trong công tác quản lý giá các mặt hàng vật liệu xây dựng (đá xây dựng, cát xây dựng) trong thời gian triển khai thực hiện dự án đường cao tốc Bắc - Nam đoạn qua địa bàn tỉnh, tránh tình trạng các tổ chức, doanh nghiệp tự ý nâng giá, góp phần ổn định, phát triển kinh tế, xã hội của địa phương; Sở Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 bổ sung danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của UBND tỉnh; cụ thể bổ sung danh mục hàng hóa gồm: đá xây dựng (đá 1x2, 2x4, 4x6, đá mi, đá cấp phối) và cát xây. Theo đó, Sở Tài chính đã tổ chức tập huấn hướng dẫn các tổ chức, đơn vị sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thuộc danh mục kê khai giá (đá xây dựng và cát xây) thực hiện việc kê khai giá tại Sở Tài chính trên Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu giá của địa phương (*website: dlg.binhdinh.gov.vn*). Đồng thời, thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ mức giá kê khai; kiên quyết dừng các trường hợp kê khai tăng giá không phù hợp với tác động của các yếu tố đầu vào và mặt bằng giá cả thị trường.

Ngoài ra, trong tháng 10/2023 Sở Tài chính cũng đã có Thông báo và triển khai tổ chức tập huấn cho các tổ chức, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải thực hiện kê khai giá (đá xây dựng và cát xây) để hướng dẫn các đơn vị, tổ chức bổ sung mới thực hiện việc kê khai giá tại Sở Tài chính trên Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu giá của địa phương (*website: dlg.binhdinh.gov.vn*).

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Bình Định, ngay từ đầu năm Sở Tài chính đã đưa nội dung kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá (04 đợt/năm; mỗi quý 01 đợt) trong Kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm của Sở Tài chính và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

2.4. Sở Giao thông vận tải

Trên cơ sở Văn bản số 181/UBND-KT ngày 11/01/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh, Sở Giao thông vận tải đã chỉ đạo Thanh tra giao thông tăng cường công tác kiểm tra việc vận chuyển khoáng sản vượt tải trọng cho phép, gây ô nhiễm môi trường trên các tuyến đường tỉnh và phối hợp với địa phương đối với các tuyến đường huyện, đường giao thông nông thôn; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định pháp luật đạt được các kết quả như sau: Kiểm tra việc vận chuyển khoáng sản vượt tải trọng cho phép: 540 trường hợp, với số tiền xử phạt là 681.900.000 đồng; gây ô nhiễm môi trường trên các tuyến đường tỉnh và các tuyến

đường huyện, đường giao thông nông thôn: 1976 trường hợp, với số tiền xử phạt là 4.740.000.000 đồng.

2.5. UBND các huyện, thị xã, thành phố

Một số địa phương đã xây dựng và phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác. Hiện nay, công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn huyện chủ yếu được thực hiện lồng ghép trong công tác thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất trong hoạt động khoáng sản.

Chỉ đạo các phòng, ban, ngành liên quan và UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác quản lý nhà nước trên địa bàn theo thẩm quyền, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác tại địa phương, chỉ đạo UBND cấp xã tăng cường quản lý, phát hiện, kịp thời ngăn chặn, xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý trường hợp khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn.

Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản, nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức (nhất là cán bộ cấp xã) làm công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, cũng như tổ chức, cá nhân, tham gia hoạt động trong lĩnh vực khoáng sản từng bước được nâng cao, ý thức cao trong việc bảo vệ khoáng sản chưa khai thác.

Đề nghị các doanh nghiệp khai thác khoáng sản thực hiện đóng góp kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng cho địa phương; theo đó, khoản kinh phí này được nộp trực tiếp cho ngân sách cấp huyện để duy tu, sửa chữa hạ tầng, xây dựng công trình phúc lợi nơi có mỏ khoáng sản hoạt động.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Các nội dung đã hoàn thành

UBND tỉnh đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan chức năng liên quan chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế về công tác quản lý thăm dò, khai thác khoáng sản như sau:

- Rà soát, bổ sung các điểm mỏ đất san lấp, cát xây dựng, đất sét vào Phương án (quy hoạch) thăm dò, khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản đến các tổ chức, cá nhân, tham gia hoạt động trong lĩnh vực khoáng sản.

- Phối hợp chặt chẽ với Cục Thuế tỉnh, tăng cường công tác kiểm tra, đối chiếu sản lượng khai thác giữa báo cáo định kỳ của đơn vị khai thác khoáng sản với thông tin do Cục Thuế tỉnh cung cấp để xử lý theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ mức giá kê khai; kiên quyết dừng các trường hợp kê khai tăng giá không phù hợp với tác động của các yếu tố đầu vào và mặt bằng giá cả thị trường.

- Thông báo yêu cầu doanh nghiệp thực hiện thủ tục thuê đất và hoàn thành việc nộp tiền truy thu tiền thuê đất.

- Kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong hoạt động khai thác khoáng sản; đồng thời chấn chỉnh, nhắc nhở các tổ chức, cá nhân trong quá trình hoạt động khoáng sản khắc phục các nội dung tồn tại, thiếu sót.

- Tăng cường công tác xử lý hoạt động vận chuyển khoáng sản quá tải; nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát thông qua lắp đặt camera, trạm cân.

- Đẩy mạnh công tác cải tạo, phục hồi môi trường, lập hồ sơ đề án đóng cửa mỏ.

- Triển khai ứng dụng Cơ sở dữ liệu GIS về khoáng sản tỉnh Bình Định.

2. Nội dung chưa hoàn thành

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư ứng dụng tiến bộ khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản và giảm thiểu tác động đến môi trường.

Nguyên nhân: căn cứ theo nội dung Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 22/7/2022 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 thì nhiệm vụ: Nghiên cứu xây dựng chính sách thuế suất tài nguyên nhằm khuyến khích doanh nghiệp đầu tư ứng dụng tiến bộ khoa học, đổi mới công nghệ hiện đại trong khai thác, chế biến khoáng sản do Bộ Tài chính chủ trì xây dựng dưới dạng văn bản Luật (giai đoạn 2022-2025). Do đó, sau khi Trung ương ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư ứng dụng tiến bộ khoa học trên lĩnh vực khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu, đề xuất UBND tỉnh ban hành quy định phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh Bình Định để triển khai thực hiện.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

1. Khó khăn, vướng mắc

- Một số địa phương thực hiện chưa tốt công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, chưa kịp thời ngăn chặn, xử lý khai thác khoáng sản trái phép dẫn đến tình trạng khai thác khoáng sản trái phép vẫn còn xảy ra gây bức xúc trong nhân dân.

- Việc chấp hành quy định pháp luật về hoạt động khoáng sản của một số doanh nghiệp chưa tốt, còn để xảy ra hoạt động khai thác làm ảnh hưởng môi trường, nhất là trong việc vận chuyển khoáng sản.

- Cán bộ quản lý nhà nước về lĩnh vực khoáng sản ở địa phương cấp huyện, cấp xã còn thiếu về số lượng và chuyên môn; công tác kiểm tra, giám sát việc bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác khoáng sản chưa thật chặt chẽ. Trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản đòi hỏi phải có trình độ chuyên môn, hiểu biết về địa chất, khoáng sản. Ở cấp huyện người được phân công quản lý khoáng sản trên địa bàn huyện thường là người có chuyên môn khác (địa chính, môi trường, kinh tế, ...), nhất là tuyến xã chỉ có cán bộ địa chính phụ trách lĩnh vực tài nguyên và môi trường, không có chuyên môn khoáng sản.

- Về chính sách: Việc cấp phép khai thác các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ thi công công trình (như đất san lấp, cát xây dựng) phải thực hiện thủ tục thăm dò, phê duyệt trữ lượng nên mất nhiều thời gian; công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng gặp khó khăn do quy định nhà nước không thu hồi đất mà chủ doanh nghiệp tự thỏa thuận với người sử dụng đất làm gia tăng chi phí, kéo dài thời gian ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình. Bên cạnh đó, các công trình hạ tầng, dân sinh không được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước phải sử dụng vật liệu thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản và lập các thủ tục thăm dò, cấp phép khai thác khoáng sản phức tạp, mất nhiều thời gian và không có hiệu quả kinh tế nên dẫn đến tình trạng khai thác đất, cát trái phép vẫn còn tồn tại đối với các địa phương trong tỉnh.

2. Nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc

- Quy định pháp luật về cấp phép khai thác mỏ khoáng sản (cấp phép khai thác khoáng sản) là loại hình kinh doanh có điều kiện phải được Nhà nước cấp phép, liên quan đến nhiều lĩnh vực do nhiều ngành quản lý, nhiều quy định pháp luật khác nhau: Luật Khoáng sản, Luật Lâm nghiệp, Luật Quy hoạch, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đất đai,... nên mất nhiều thời gian để hoàn thành hồ sơ khai thác mỏ.

- Nhu cầu vật liệu san lấp phục vụ công trình trên địa bàn tỉnh tăng mạnh, cần phải cấp phép phục vụ thi công, đã gây áp lực với môi trường, hạ tầng, dân sinh.

- Ý thức chấp hành quy định pháp luật về hoạt động khoáng sản của một số doanh nghiệp chưa tốt.

- Sự phối hợp giữa các Sở, ngành có liên quan với chính quyền địa phương trong bảo vệ khoáng sản chưa khai thác chưa thật sự hiệu quả cao. Chính quyền địa phương, nhất là cấp xã chưa thực hiện tốt công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, xử lý dứt điểm khai thác trái phép.

3. Giải pháp

Để tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực khoáng sản, UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành và chính quyền địa phương tập trung một số nội dung như sau:

- Các Sở, ngành và chính quyền địa phương theo chức năng, nhiệm vụ tiếp tục tăng cường hiệu quả trong việc thực hiện Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản; Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 15/8/2022 của UBND tỉnh về việc tăng cường quản lý và chấn chỉnh tình hình hoạt động trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 về việc ban hành quy chế phối hợp quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Định; thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 09/3/2023 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch số 50-KH/TU ngày 16/12/2022 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Tiếp tục khảo sát, bổ sung quy hoạch các mỏ vật liệu để kịp thời đáp ứng nhu cầu về khoáng sản làm vật liệu xây dựng trong thời gian tới, nhất là các địa phương đang thiếu hụt nguồn vật liệu xây dựng.

- Tập trung các nội dung liên quan đến việc khai thác cát lòng sông như: khoảng cách đến chân kè, bờ sông, chân đập, chiều sâu khai thác cát, thời gian khai thác trong năm phù hợp với tình hình thực tế tại địa bàn tỉnh; đồng thời, chủ động nghiên cứu, đề xuất việc nạo vét, thu hồi cát đối với lòng hồ chứa, các công trình thủy lợi, đập dâng để tìm nguồn nguyên liệu phục vụ xây dựng các công trình theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 5354/UBND-KT ngày 16/9/2022.

- Kiểm tra, đối chiếu sản lượng khai thác thực tế và sản lượng kê khai nộp thuế; truy thu các loại thuế, phí và các khoản nợ thuế đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản; xử lý nghiêm các doanh nghiệp kê khai thiếu trung thực, gian lận trong kê khai nộp thuế; tăng cường chống thất thu ngân sách nhà nước từ hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 04/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Tăng cường kiểm tra việc vận chuyển khoáng sản vượt tải trọng cho phép, gây ô nhiễm môi trường trên các tuyến đường tỉnh và phối hợp với địa phương đối với các tuyến đường huyện, đường giao thông nông thôn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định pháp luật.

- Tăng cường giám sát, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm về khai thác khoáng sản, bảo vệ môi trường tại các khu vực mỏ; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân khai thác, vận chuyển, tiêu thụ khoáng sản trái phép, các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, xuất, nhập khẩu khoáng sản trái phép.

- Tăng cường trách nhiệm quản lý, giám sát chặt chẽ việc khai thác các mỏ vật liệu phục vụ thi công công trình, tránh tình trạng lợi dụng khai thác sử dụng không đúng mục đích theo nội dung giấy phép được cấp; đồng thời yêu cầu các nhà thầu thi công thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác, vận chuyển.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên địa bàn theo thẩm quyền, nhất là bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác, triển khai có hiệu quả Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Bình Định được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 12/3/2022. Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh nếu để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép mà không xử lý triệt để.